

Bản án số:03/2017/KDTM-PT

Ngày 21-02-2017

V/v *tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hữu Tuyên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Bà Võ Thị Kim Nhung

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2016/TLPT - KDTM ngày 07/11/2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2016/KDTM-ST ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2017/QĐ-PT ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Hồng Q - Giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh B.

Địa chỉ: đường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

*Người đại diện theo uỷ quyền lại:* Ông Võ Thanh T – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh B. Có mặt

Ông Trương Mạnh T – Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP N chi nhánh B. Vắng mặt

**- Bị đơn:** Công ty TNHH P

Địa chỉ: TDP L, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị L – Giám đốc Công ty. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Duy H; Địa chỉ: TDP L, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Ông Hoàng Chí T; Địa chỉ: TDP L, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T; Địa chỉ: TDP 3, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày: Ngày 07/8/2015 Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và Công ty TNHH P đã ký Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 827/2015/NHNT. Theo đó hạn mức cho vay là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng), mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay được xác định theo từng lần nhận nợ và được ghi trên giấy nhận nợ. Theo Giấy đề nghị rút vốn ngày 18/9/2015 và Giấy nhận nợ ngày 18/9/2015 thì Công ty TNHH P đã nhận nợ với số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) với thời hạn vay 5 tháng kể từ ngày 18/9/2016 đến ngày 18/2/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, giữa Công ty TNHH P với Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và bên thứ ba đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp số 19/2013/VCBQB ngày 30/01/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01.19/2014/PLHĐ ngày 31/10/2014, giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B với bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T và bên vay vốn là Công ty TNHH P. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H:00295 do UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/12/2007 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T thửa đất số 270, tờ bản đồ số 05, diện tích 285m<sup>2</sup> tại thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn 3, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) tài sản gắn liền với đất bao gồm ngôi nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá học, tường gạch, trụ chịu lực bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch granit, cửa gỗ khung ngoại, diện tích sử dụng 270m<sup>2</sup>

Hợp đồng thế chấp số 1016/2012/VCB-QB ngày 14/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01.1016/2014/PLHĐ ngày 31/10/2014 giữa bên thế chấp là Ông Hoàng Duy H và Bà Nguyễn Thị L; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và bên vay vốn là Công ty TNHH P. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BG248435 do UBND huyện Q cấp ngày 24/6/2011 mang tên Ông Hoàng Duy H và Bà Nguyễn Thị L thuộc thửa 1020, tờ bản đồ số 06, diện tích 252m<sup>2</sup> tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); tài sản gắn liền trên đất là căn nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá hộc, tường gạch, trụ bê tông cốt thép, nền lát gạch granit, cửa gỗ khung ngoại kết hợp kính cường lực. Diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng là 240m<sup>2</sup>.

Hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTCTS ngày 11/01/2013 và Phụ lục hợp đồng số 01.06/2014/PLHĐ ngày 31/10/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và bên thế chấp là Công ty TNHH P. Theo đó tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Kia Frontier màu trắng, 03 chỗ, BKS 73L-6773 sản xuất năm 2002 tại Hàn Quốc, số máy JT-383162, số khung:KN4HAW7342K-017211.

Quá trình vay do Công ty TNHH P vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và nhắc nhở nhưng Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P phải trả nợ tiền vay cho Ngân hàng với số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2016 là 2.329.246.056 đồng trong đó nợ gốc 2.300.000.000 đồng, nợ lãi 29.246.056 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 27/9/2016 Ngân hàng TMCP N yêu cầu Công ty TNHH P trả nợ gốc 2.284.000.000 đồng, lãi cộng dồn 66.596.753 đồng, lãi phạt cộng dồn 29.457.859 đồng. Tổng cộng 2.380.154.612 đồng. Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi vốn vay theo thoả thuận tại hợp đồng.

Theo Ngân hàng thì nhóm nợ hiện tại của Công ty TNHH P tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh B là nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn).

Đại diện Công ty TNHH P tại các bản tự khai, biên bản hoà giải thừa nhận quá trình ký kết hợp đồng, nội dung và lãi suất. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm đại diện phía Công ty TNHH P cho rằng thời gian qua giữa Công ty và Ngân hàng chưa đối chiếu nợ lãi nên công ty không biết nợ lãi bao nhiêu nên không đồng ý số tiền lãi mà Ngân hàng đưa ra. Công ty TNHH P cũng cho rằng thời hạn theo hạn mức của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng nên Ngân hàng khởi kiện không đúng.

Người liên quan ông Nguyễn Văn H, Ông Hoàng Duy H trình bày: Thừa nhận có dùng tài sản của vợ chồng để thế chấp cho Công ty TNHH P vay vốn. Quá trình kinh doanh Công ty cũng tìm mọi biện pháp để trả nợ nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn, thua lỗ nên không có phương án trả nợ. Vì vậy đề nghị Ngân hàng TMCP N tạo điều kiện để Công ty TNHH P có thời gian và phương án trả nợ.

Ông Hoàng Chí T (con Ông Hoàng Duy H, Bà Nguyễn Thị L) quá trình thụ lý đến khi giải quyết vụ án đều không có mặt tại Tòa án. Các văn bản tố tụng của Tòa án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm do Bà Nguyễn Thị L nhận thay.

Bản án sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 27/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 342, 343, 348, 355, 471, 474, 476, 715, 717, và 721 Bộ luật dân sự xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc Công ty TNHH P trả nợ cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc 2.284.000.000 đồng và lãi cộng dồn 66.596.753 đồng, lãi phạt cộng dồn 29.457.859 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi phải trả cho Ngân hàng TMCP N 2.380.154.612 đồng (nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2016)

Trường hợp phía bị đơn Công ty TNHH P không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền xử lý các tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 248435 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 24/6/2011 mang tên Ông Hoàng Duy H và Bà Nguyễn Thị L thuộc thửa 1020, tờ bản đồ số 06, diện tích 252m<sup>2</sup> tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá hộc, tường gạch, trụ bê tông cốt thép, nền lát gạch granit, cửa gỗ khung ngoại kết hợp kính cường lực. Diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 240m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00295 do UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/12/2007 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T thuộc thửa 270, tờ bản đồ số 05, diện tích 285m<sup>2</sup>, tại thôn 3 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn 3, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); tài sản gắn liền với đất bao gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá hộc, tường gạch, trụ chịu lực bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch granit, cửa gỗ khung ngoại, diện tích sử dụng 270m<sup>2</sup>. 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Frontier, màu trắng, 03 chỗ ngồi, Biển kiểm soát 73L-6773, sản xuất năm 2002 tại hàn Quốc, số máy JT-383162, số khung KN4HAW7342K-017211.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/10/2016 Đại diện Công ty TNHH P bà Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vì theo bà L hạn mức của hợp đồng số 827 ngày 07/8/2015 đến ngày 07/8/2016 (thời hạn 12 tháng) nên chưa đến hạn. Giấy nhận nợ số 32 ngày 18/9/2015 số tiền 2.300.000.000 đồng là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này, công ty vẫn trả lãi đến 30/6/2016.

Vậy Ngân hàng khởi kiện là sai. Các giấy nhận nợ số 31 ngày 11/9/2015 số tiền 700.000.000 đồng và giấy nhận nợ số 32 ngày 11/8/2015 số tiền 130.000.000 đồng cộng cả hai giấy 830.000.000 đồng thuộc hợp đồng tín dụng theo hạn mức 826 năm 2014 chuyển sang hợp đồng tín dụng theo hạn mức 827 năm 2015 bị dồn lại số tiền 2.300.000.000 đồng là sai so với quy trình vay vốn của tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước ban hành là vi phạm hợp đồng tín dụng theo hạn mức gây thiệt hại cho Công ty. Ngân hàng đơn phương khởi kiện là vi phạm điều 9.2 của Hợp đồng, không thông báo cho Công ty để hai bên cùng đối chiếu, xác nhận nợ, tiền lãi để làm căn cứ, có phương án, lộ trình trả nợ theo quy trình, không cho đáo hạn, gia hạn nợ mà gây khó dễ, ép Công ty vào thế khó khăn. Việc thông báo thu giữ tài sản ngày 17/4/2016 là vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng của hoạt động công ty và thiệt hại vật chất. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để bảo vệ quyền lợi chính đáng của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sớm được khôi phục và tiếp tục hoạt động.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị giữ nguyên toàn bộ án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo của mình, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty TNHH P có đơn kháng cáo. Xét các nội dung kháng cáo của Công ty TNHH P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 07/8/2015 giữa Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B với Công ty TNHH P đại diện là Bà Nguyễn Thị L - Giám đốc công ty đã ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 827/2015/NHNT. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa hay có sự ép buộc nào và đúng quy định của pháp luật. Theo đó hai bên thỏa thuận ký hợp đồng theo hạn mức với các điều khoản và điều kiện, tại Điều 1 của Hợp đồng ghi rõ “*bên cho vay cho bên vay, vay thường xuyên theo hạn mức dư nợ tối đa như sau: hạn mức cho vay bằng số 2.600.000.000 đồng. Bằng chữ hai tỷ sáu trăm triệu đồng (Mức cho vay trên bao gồm cả phần dư nợ gốc thực tế của bên vay tại Ngân hàng TMCP N– chi nhánh B đến ngày 07/8/2016 theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 826/2014/NHNT ngày 31/10/2014: Phụ lục sửa đổi hợp đồng số 01/826/2014/NHNT ngày 27/12/2014 với số tiền là 2.600.000.000 đồng)*”. Tại Điều 3 của hợp đồng quy định về thời hạn vay “*Thời hạn vay được xác định theo từng lần nhận nợ và*

*được ghi trên Giấy nhận nợ”. Ngày 18/9/2015 Công ty TNHH P có Giấy đề nghị rút vốn vay theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 827/2015/NHNT ngày 08/7/2015 với số tiền là 2.300.000.000 đồng cùng Giấy nhận nợ số 32 ngày 18/9/2015 thời hạn vay đều ghi 05 tháng, ngày rút vốn 18/9/2015 ngày đến hạn 18/02/2016. Việc Công ty TNHH P cho rằng thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức 827 thời hạn 12 tháng là không đúng. Về vấn đề có hai giấy nhận nợ cùng số 32 nhưng khác ngày, một giấy nhận nợ 2.300.000.000 đồng, một giấy nhận nợ 130.000.000 đồng, phía nguyên đơn cho rằng có giấy nhận nợ 130.000.000 đồng nhưng bị đơn đã trả số nợ này nên nguyên đơn chỉ khởi kiện số tiền trên giấy nhận nợ 2.300.000.000 đồng. Hiện tại căn cứ vào Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 827/2015/NHNT ngày 07/8/2015 bên vay Công ty TNHH P vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó khi đến kỳ hạn trả nợ gốc Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển nợ của Công ty thành nợ quá hạn và khởi kiện là có cơ sở. Khi khoản vay của Công ty TNHH P đến hạn Ngân hàng TMCP N- chi nhánh B đã có Thông báo nợ quá hạn (lần 1) số 08/TB-VCB ngày 01/3/2016 và Thông báo nợ quá hạn (lần 2) số 28/TB-VCB ngày 07/3/2016 nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo Giấy mời số 49/CV-VCB.QB ngày 28/3/2016 của Ngân hàng TMCP N Chi nhánh B đề bàn về phương án trả nợ vay của Công ty TNHH P đối với Ngân hàng TMCP N- chi nhánh B nhưng đại diện phía Công ty không có mặt vì vậy Ngân hàng lập biên bản làm việc vắng mặt đại diện Công ty TNHH P ngày 29/3/2016. Tại Điều 9.2 của hợp đồng ghi “ Nếu có phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi. Trường hợp không tự thỏa thuận được thì các bên có yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết”.*

Kháng cáo của bị đơn về thông báo thu giữ tài sản của Ngân hàng làm thiệt hại cho bị đơn, tại phiên tòa HĐXX xác định được phía Ngân hàng chưa thực hiện việc thu giữ tài sản nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này. Các vấn đề về tài sản thế chấp không có kháng cáo nên không xem xét.

Xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng nội dung của vụ án, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH P mà cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH P kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì lẽ trên,*

*Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH P, giữ nguyên án sơ thẩm: Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 342, 343, 348, 355, 471, 474, 476, 715, 717, và 721 Bộ luật dân sự xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc Công ty TNHH P trả nợ cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc 2.284.100.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 66.596.753 đồng, lãi quá hạn là 29.457.859 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi phải trả cho Ngân hàng TMCP N 2.380.154.612 đồng (nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2016)

Trường hợp phía bị đơn Công ty TNHH P không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền xử lý các tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 248435 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 24/6/2011 mang tên Ông Hoàng Duy H và Bà Nguyễn Thị L thuộc thửa 1020, tờ bản đồ số 06, diện tích 252m<sup>2</sup> tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá học, tường gạch, trụ bê tông cốt thép, nền lát gạch granit, cửa gỗ khung ngoại kết hợp kính cường lực. Diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 240m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00295 do UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/12/2007 mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T thuộc thửa 270, tờ bản đồ số 05, diện tích 285m<sup>2</sup>, tại thôn 3 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn 3, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); tài sản gắn liền với đất bao gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, mái bằng, có kết cấu móng đá học, tường gạch, trụ chịu lực bằng bê tông cốt thép, nền lót gạch granit, cửa gỗ khung ngoại, diện tích sử dụng 270m<sup>2</sup>.

01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Frontier, màu trắng, 03 chỗ ngồi, Biển kiểm soát 73L-6773, sản xuất năm 2002 tại Hàn Quốc, số máy JT-383162, số khung KN4HAW7342K-017211

Án phí: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.292.400 đồng, tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000 2741 ngày 14/7/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 79.603.092 đồng và 200.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được khấu trừ 200.000 đồng tiền dự phí kháng cáo đã nộp tại biên lai số 0002862 ngày 10/10/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, số tiền còn phải nộp là 79.603.092 đồng.

Kể từ ngày kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2016) cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số

tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng để trả cho bên được thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- TAND thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký )**

**Nguyễn Hữu Tuyển**



